CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 123/2014/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2014*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam làm việc trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ, hiểu biết sâu sắc nghề, truyền dạy và phát huy giá trị nghề thủ công mỹ nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú".

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú

Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được nhận Huy hiệu, Giấy chứng nhận của Chủ tịch nước và tiền thưởng kèm theo danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" hoặc "Nghệ nhân Ưu tú" theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tích cực giữ gìn, truyền nghề, dạy nghề; không ngừng hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo nghề.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Kinh phí tổ chức xét tặng và tiền thưởng

1. Kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" để thực hiện các hoạt động sau:

a) Xây dựng, triển khai Kế hoạch của Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú";

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng;

c) Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc hội nghề nghiệp;

d) Tổ chức các phiên họp Hội đồng;

đ) Công bố thông tin về kết quả xét chọn của Hội đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;

e) Họp báo công bố Quyết định phong tặng của Chủ tịch nước;

g) Tổ chức lễ trao tặng;

h) Các hoạt động khác liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" và tiền thưởng kèm theo danh hiệu:

a) Bộ Công Thương có trách nhiệm bố trí kinh phí cho hoạt động tổ chức xét tặng của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước, tổ chức lễ trao tặng và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có trách nhiệm bố trí kinh phí cho hoạt động tổ chức xét tặng của Hội đồng cấp tỉnh, tiền thưởng kèm theo danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II
TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 5. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"

Danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" được xét tặng cho cá nhân đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú" và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và quần chúng mến mộ, kính trọng.

3. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước, cụ thể:

a) Nắm giữ kỹ năng, bí quyết; truyền nghề, dạy nghề cho từ 150 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề đặc thù hoặc đã đào tạo 01 cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú";

b) Sau khi đã được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú", Nghệ nhân phải trực tiếp thiết kế, chế tác được 02 sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật, đạt giải thưởng hoặc được tổ chức nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp chứng nhận đạt thành tích tại các cuộc thi, hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế được Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức.

4. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên.

Điều 6. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"

Danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú" được xét tặng cho cá nhân đạt đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương, cụ thể:

a) Nắm giữ kỹ năng, bí quyết; truyền nghề, dạy nghề cho từ 100 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề đặc thù;

b) Trực tiếp thiết kế, chế tác được ít nhất 10 sản phẩm, tác phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao.

3. Đã có tác phẩm, sản phẩm đạt một trong các tiêu chí sau:

a) Được giải thưởng hoặc được tổ chức nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp chứng nhận đạt thành tích tại các cuộc thi, hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế được Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức;

b) Được chọn trưng bày trong các bảo tàng, công trình văn hóa, di tích lịch sử hoặc các sự kiện lớn của đất nước;

c) Được chọn làm mẫu phục vụ công tác giảng dạy tại các trường mỹ thuật hoặc dạy nghề;

d) Được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử, văn hóa được chính quyền địa phương nơi có di tích lịch sử, văn hóa xác nhận.

4. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên.

Chương III
HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 7. Nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc, thành phần của Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú"

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" được thành lập từng đợt theo 3 cấp:

a) Hội đồng cấp tỉnh;

b) Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

c) Hội đồng cấp Nhà nước.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" có nhiệm vụ:

a) Tổ chức việc xét tặng bảo đảm đúng quy định tại Nghị định này;

b) Công bố kết quả xét chọn trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;

c) Hoàn chỉnh hồ sơ xét tặng, trình Hội đồng có thẩm quyền;

d) Xem xét, giải quyết các kiến nghị liên quan tới việc xét tặng.

3. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" làm việc theo nguyên tắc:

a) Dân chủ, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Cuộc họp của Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" được tổ chức khi có ít nhất 75% thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. Tổ thư ký có trách nhiệm lấy ý kiến thành viên Hội đồng vắng mặt bằng Phiếu bầu Mẫu số 5, số 6 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Hội đồng cấp Nhà nước chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng cấp tỉnh trình; không xét các hồ sơ không đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Hội đồng cấp tỉnh trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình Hội đồng cấp Nhà nước, Hội đồng cấp Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ danh sách cá nhân đạt từ 90% số phiếu thành viên đồng ý trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng;

đ) Thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" không là đối tượng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú";

e) Trong một kỳ xét tặng, thành viên Hội đồng cấp tỉnh không đồng thời là thành viên Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước.

4. Thành phần Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" gồm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thi đua khen thưởng cùng cấp; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; một số Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú và nhà khoa học có uy tín, am hiểu chuyên sâu về nghề thủ công mỹ nghệ liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" quyết định thành lập Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng.

Điều 8. Hội đồng cấp tỉnh

1. Hội đồng cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương, có từ 09 đến 11 thành viên. Thành phần Hội đồng cấp tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Công Thương;

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh là Sở Công Thương. Hội đồng cấp tỉnh sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 9. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, có từ 09 đến 11 thành viên. Thành phần Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bộ Công Thương;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Công Thương;

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ là Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Công Thương. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ sử dụng con dấu của Bộ Công Thương.

Điều 10. Hội đồng cấp Nhà nước

1. Hội đồng cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, có từ 09 đến 11 thành viên. Thành phần Hội đồng cấp Nhà nước gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Công Thương;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; lãnh đạo Bộ Công Thương;

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước là Bộ Công Thương. Hội đồng cấp Nhà nước sử dụng con dấu của Bộ Công Thương.

Chương IV
HỒ SƠ, QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 11. Hồ sơ đề nghị xét tặng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân bao gồm:

a) Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" theo Mẫu số 1 và Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú" theo Mẫu số 2 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Có một trong các tài liệu chứng minh những đóng góp đối với việc giữ gìn, truyền nghề, dạy nghề: Băng hoặc đĩa hình hoặc ảnh mô tả các kỹ năng, kỹ xảo đang nắm giữ hoặc bản chứng thực trong trường hợp cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu điện, bản photocopy (có bản gốc để đối chiếu) trong trường hợp cá nhân nộp trực tiếp giấy chứng nhận, quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng, Bằng khen hoặc các tài liệu khác liên quan.

2. Hồ sơ của Hội đồng cấp tỉnh trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ bao gồm:

a) Tờ trình của Hội đồng cấp tỉnh theo Mẫu số 4 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" theo Mẫu số 7 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng cấp tỉnh theo Mẫu số 8 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Phiếu bầu của thành viên Hội đồng theo Mẫu số 5, số 6 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Biên bản họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc hội nghề nghiệp theo Mẫu số 3 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b Khoản này theo Mẫu số 9 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh.

3. Hồ sơ của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình Hội đồng cấp Nhà nước bao gồm:

a) Tờ trình của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ theo Mẫu số 4 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân'', "Nghệ nhân Ưu tú" theo Mẫu số 7 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ theo Mẫu số 8 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Phiếu bầu của thành viên Hội đồng theo Mẫu số 5, số 6 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b Khoản này theo Mẫu số 9 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

4. Hồ sơ của Hội đồng cấp Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

a) Tờ trình của Hội đồng cấp Nhà nước theo Mẫu số 4 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" theo Mẫu số 7 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng cấp Nhà nước theo Mẫu số 8 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Phiếu bầu của thành viên Hội đồng theo Mẫu số 5, số 6 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b Khoản này theo Mẫu số 9 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng cấp Nhà nước.

Điều 12. Nộp và tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng

1. Cá nhân đề nghị xét tặng tự mình hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho cá nhân khác lập hồ sơ và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến Sở Công Thương nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang cư trú trong thời gian quy định tại Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú".

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu trong hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn.

Điều 13. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng cấp tỉnh

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú";

b) Tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc hội nghề nghiệp nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang hoạt động để đưa vào hồ sơ đề nghị xét tặng theo Mẫu số 3 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Thông báo danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải danh sách, bản khai thành tích của các cá nhân đề nghị xét tặng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng cấp tỉnh và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn như sau:

a) Thẩm định nội dung của các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định tại Nghị định này;

b) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

c) Thông báo công khai kết quả xét chọn trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Hội đồng cấp tỉnh cùng với 05 (năm) bộ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định này đến Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú";

đ) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị.

Điều 14. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

b) Tiếp nhận, kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ do Hội đồng cấp tỉnh gửi; trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có

trong hồ sơ cần hướng dẫn để Hội đồng cấp tỉnh hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn;

c) Đăng tải danh sách cá nhân được Hội đồng cấp tỉnh đề nghị xét tặng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn như sau:

a) Thẩm định nội dung của các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định tại Nghị định này;

b) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trình Hội đồng cấp Nhà nước;

c) Đăng tải kết quả xét chọn trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ cùng với 04 (bốn) bộ hồ sơ quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định này đến Hội đồng cấp Nhà nước theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú";

đ) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng cấp tỉnh đã gửi hồ sơ.

Điều 15. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng cấp Nhà nước

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng cấp Nhà nước;

b) Tiếp nhận, kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ do Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ gửi; trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ cần hướng dẫn để Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn;

c) Đăng tải danh sách cá nhân được Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ đề nghị xét tặng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng cấp Nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ và xét chọn như sau:

a) Thẩm định nội dung của các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định tại Nghị định này;

b) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú";

c) Đăng tải kết quả xét chọn trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian 15 ngày làm việc;

d) Hoàn chỉnh hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

đ) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Hội đồng cấp Nhà nước cùng với 03 (ba) bộ hồ sơ quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định này đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú";

e) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

Điều 16. Công bố Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng và trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú"

Bộ Công Thương tổ chức Lễ công bố Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng và trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú".

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

2. Những quy định tại các văn bản khác trước đây trái với quy định tại Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

MỘT SỐ BIỂU MẪU TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

(Ban hành kèm theo Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ)

Mẫu số 1	Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"
Mẫu số 2	Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"
Mẫu số 3	Biên bản họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc hội nghề nghiệp
Mẫu số 4	Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" "Nghệ nhân Ưu tú"
Mẫu số 5	Phiếu bầu về việc xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"
Mẫu số 6	Phiếu bầu về việc xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"
Mẫu số 7	Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" "Nghệ nhân Ưu tú"
Mẫu số 8	Biên bản họp hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" "Nghệ nhân Ưu tú"
Mẫu số 9	Tóm tắt thành tích cá nhân đề nghị được xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" "Nghệ nhân Ưu tú"

Mẫu số 1

Ảnh CMTND
Cỡ 4cm x 6cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH
Đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"
(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (khai sinh): ..... Nam, Nữ:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Dân tộc: .....
5. Nguyên quán: .....
.....
6. Hộ khẩu thường trú: .....
.....
7. Tên nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ:.....
8. Năm bắt đầu thực hành nghề thủ công mỹ nghệ:.....
9. Năm được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú":.....
10. Điện thoại nhà riêng: ..... Di động:.....
11. Địa chỉ liên hệ: .....
.....
12. Người liên hệ khi cần: .....
.....
..... Điện thoại: .....
13. Số lượng học trò đã truyền dạy được: .....
14. Học trò tiêu biểu:
Họ và tên: .....
Ngày tháng năm sinh:.....
Địa chỉ: .....
Điện thoại nhà riêng: ..... Di động:.....
Thành tích đạt được:.....

II. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ:
(Kê khai về quá trình tham gia thực hành nghề thủ công mỹ nghệ (được ai truyền dạy, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có)); đã thực hành nghề thủ công mỹ nghệ đang nắm giữ như thế nào,...).
.....
.....
.....

.....
.....

III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả kỹ năng và kỹ xảo nghề đang nắm giữ:.....
.....
.....
.....
.....

IV. TÊN SẢN PHẨM, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

Kê khai số lượng, nội dung của sản phẩm, tác phẩm:.....
.....
.....
.....
.....

V. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay:
.....
.....
.....
.....

VI. KỶ LUẬT

.....
.....

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"./.

....., ngày..... tháng..... năm....	*....., ngày.... tháng..... năm.....*
Xác nhận[1]	**Người khai**
TM. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú	*(Ký ghi rõ họ tên)*
Chủ tịch	
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	

....., ngày..... tháng..... năm....
Xác nhận của Giám đốc Sở Công Thương[2]
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: [1] *Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.*

[2] *Sau khi có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư địa phương nơi người đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc của Hội nghề nghiệp.*

Mẫu số 2

Ảnh CMTND
Cỡ 4cm x 6cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH
Đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"
(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (khai sinh): ..... Nam, Nữ:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Dân tộc: .....
5. Nguyên quán: .....
.....
6. Hộ khẩu thường trú: .....
.....
7. Tên nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ:.....
8. Năm bắt đầu thực hành nghề thủ công mỹ nghệ:.....
9. Điện thoại nhà riêng: ..... Di động:.....
10. Địa chỉ liên hệ: .....
.....
11. Người liên hệ khi cần: .....
.....
..... Điện thoại: .....
12. Số lượng học trò đã truyền dạy được: .....

II. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ:

(Kê khai về quá trình tham gia thực hành nghề thủ công mỹ nghệ (học nghề từ ai, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có)); đã thực hành nghề thủ công mỹ nghệ đang nắm giữ như thế nào,...) .....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả kỹ năng và kỹ xảo nghề đang nắm giữ:.....
.....
.....
.....
.....

IV. TÊN SẢN PHẨM, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

Kê khai số lượng, nội dung của sản phẩm, tác phẩm:.....
.....
.....
.....
.....

V. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay:
.....
.....
.....
.....
.....
.....

VI. KỶ LUẬT

.....
.....

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"./.

....., ngày..... tháng..... năm....
Xác nhận[1]
TM. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng..... năm.....
Người khai
(Ký ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....
Xác nhận của Giám đốc Sở Công Thương[2]
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: [1] *Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.*

[2] *Sau khi có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư địa phương nơi người đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc của Hội nghề nghiệp.*

Mẫu số 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc hội nghề nghiệp*

Hôm nay, vào hồi.... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại .....
Chúng tôi gồm:
1. Nguyễn Văn A, chức vụ:..... là đại diện cho .....
2. Nguyễn Văn B, chức vụ:..... là đại diện cho .....
3. .....
tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của..... (ghi rõ tên cộng đồng hoặc hội nghề nghiệp) về việc đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" của:
Ông/bà:..... tuổi .....
Cư trú tại: .....
Tổng số người tham dự cuộc họp:..... người.
Chủ tọa cuộc họp:.....
Thư ký cuộc họp: .....

NỘI DUNG LÀM VIỆC

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định số /2014/NĐ-CP ngày.... tháng... năm... của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ, các đại biểu tham dự cuộc họp đã cùng nhau thảo luận, đánh giá về mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn của (các) ông/bà có tên dưới đây để đề nghị Hội đồng cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"/"Nghệ nhân Ưu tú". Các ý kiến nhận xét cơ bản như sau:

(Ghi tóm tắt những ý kiến cơ bản của các đại biểu tham dự đối với từng cá nhân đề nghị được xét tặng danh hiệu).

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Kết luận: Các đại biểu dự họp đã thống nhất ý kiến như sau (đánh dấu X vào cột thích hợp):

1. Danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"

TT	Họ tên	Đồng ý đề nghị xét tặng	
		Số người đồng ý	Tỷ lệ %
1			
2			
3			

2. Danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"

TT	Họ tên	Đồng ý đề nghị xét tặng	
		Số người đồng ý	Tỷ lệ %
1			
2			
3			

Cuộc họp kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng.... năm...

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỌA CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: * *Trong trường hợp cuộc họp lấy ý kiến về nhiều cá nhân thì ghi tên các cá nhân theo thứ tự vần a, b, c và ghi nhận xét của các đại biểu dự họp cũng như kết luận của cuộc họp cho từng trường hợp một.*

Mẫu số 4

.....[1] **HỘI ĐỒNG**.....[2] **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày..... tháng... năm.....*

TỜ TRÌNH
Đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú"

Kính gửi: Hội đồng.....[3] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" , "Nghệ nhân Ưu tú".

Căn cứ Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú";

Hội đồng.....[4] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" đã họp vào ngày..... tháng..... năm..... để xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" cho..... nghệ nhân.

Số nghệ nhân đủ điều kiện để đề nghị Hội đồng .....[5] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" gồm….. người, trong đó,.... người được đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" và..... được đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú" (Danh sách kèm theo).

Hội đồng.....[6] trân trọng đề nghị./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.*
(2, 4, 6): Tên Hội đồng đề nghị.
(3, 5): Tên Hội đồng được đề nghị.

Mẫu số 5

.....[1]
HỘI ĐỒNG.....[2]
XÉT TẶNG DANH HIỆU
"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",
"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

PHIẾU BẦU
Về việc xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"
(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô thích hợp)

STT	Họ và tên cá nhân được đề cử	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Ý kiến của thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu	
			Đồng ý	Không đồng ý
1				
2				
3				
4				
5				
6				
...				

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.*
(2) Tên Hội đồng.

Mẫu số 6

.....[1]
HỘI ĐỒNG.....[2]
XÉT TẶNG DANH HIỆU
"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",
"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

PHIẾU BẦU
Về việc xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"
(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô thích hợp)

STT	Họ và tên cá nhân được đề cử	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Ý kiến của thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu	
			Đồng ý	Không đồng ý
1				
2				
3				
4				
5				
6				
...				

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.*
(2) Tên Hội đồng.

Mẫu số 7

.....[1] **HỘI ĐỒNG**.....[2] **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày... tháng... năm.....*

DANH SÁCH
Đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú"

1. Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

2. Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.*
(2) Tên Hội đồng.

Mẫu số 8

.....[1] **HỘI ĐỒNG**.....[2] **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày... tháng... năm.....*

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng xét tặng danh hiệu
"Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú"

Hội đồng.....[1] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" được thành lập theo Quyết định số...../..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào.... giờ..... ngày.... tháng.... năm..... để xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú".

Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định: ..... người

Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp: ..... người, gồm:

1.....

2.....

3.....

Số thành viên Hội đồng không dự họp:..... người, gồm:

1.....

2.....

(Nêu lý do vắng mặt)

- Khách mời tham dự họp Hội đồng: Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác (nếu có).

1.....

2.....

- Chủ trì: .....

- Thư ký Hội đồng:.....

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đã nghe cơ quan thường trực của Hội đồng báo cáo về hồ sơ của các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" bao gồm:

Số lượng người đề nghị xét tặng:..... người.

Trong đó, số lượng người đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" là:..... người, danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú" là:..... người.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận, đánh giá về thành tích và tiêu chuẩn của từng trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú".

(Ghi tóm tắt cơ bản các ý kiến của thành viên Hội đồng)

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu kín, Ban kiểm phiếu làm việc theo đúng quy định (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

- Các trường hợp đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

- Các trường hợp không đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu không đồng ý	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

- Các trường hợp đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú", gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

- Các trường hợp không đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú" gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu không đồng ý	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

Cuộc họp kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng.... năm.....

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.*
(2) Tên Hội đồng.

Mẫu số 9

.....[1] **HỘI ĐỒNG**.....[2] **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày... tháng..... năm.....*

TÓM TẮT THÀNH TÍCH CÁ NHÂN
Đề nghị được xét tặng danh hiệu
"Nghệ nhân Nhân dân" "Nghệ nhân Ưu tú"[3]

1. Họ và tên (thông tin về cá nhân):

.....

2. Tên nghề thủ công mỹ nghệ đang nắm giữ:.....

3. Thời gian tham gia làm nghề (Từ năm nào đến năm nào? Tổng cộng bao nhiêu năm?):

.....

4. Kỹ năng, kỹ xảo:

.....

.....

.....

5. Thành tích thực hành nghề thủ công mỹ nghệ:

.....

.....

.....

6. Đề nghị xét tặng danh hiệu: "Nghệ nhân Nhân dân"/"Nghệ nhân Ưu tú"

7. Phiếu bầu (%) đồng ý đề nghị xét tặng:

Hội đồng cấp tỉnh:..... %

Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ:..... %

Hội đồng cấp Nhà nước:..... %

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *(1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.*
(2) Tên Hội đồng.
(3) Độ dài không quá 01 trang A4.